

Đối với bị đơn ông Mai Văn C, có ý kiến trình bày: về ngày tháng năm kết hôn, ông thống nhất như ý kiến chị T. Về mâu thuẫn phát sinh: vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì nhưng do chị T tự bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 11/2019 đến nay. Trong thời gian này giữa ông và chị T không quan tâm, liên lạc gì. Nay chị T đề nghị ly hôn, ông không đồng ý; Về con: vợ chồng ông không có con chung; Về tài sản: không có

tài sản chung; Về nợ: vợ chồng nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Nga Sơn, phòng giao dịch Tư Si, số tiền 60.000.000đ (về tài liệu, giấy tờ ông sẽ cung cấp sau).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông C vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành được với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Mặc dù ông C đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn ông C; về con, tài sản: chị không có yêu cầu gì. Đối với bị đơn ông C được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và ông Mai Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mẹ đẻ ốm nên chị xin về chăm sóc, ông C không đồng ý nên đã đuổi chị đi. Từ tháng 11/2019 đến nay, chị và ông C không còn quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không thể duy trì, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông C theo quy định. Đối với bị đơn ông C không đồng ý ly hôn chị T. Tại các phiên hòa giải, ông không đến Tòa án để làm việc. Ông không có thiện chí níu kéo hạnh phúc gia đình để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, chị T và ông C đã ly thân từ tháng 11/2019, cuộc sống chung đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn ông C là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con và tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[3] Về nợ: Chị T không yêu cầu. Ông C trình bày vợ chồng nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Nga Sơn, phòng giao dịch Tư Si, số tiền 60.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra văn bản yêu cầu ông C cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh vợ chồng ông đang nợ ngân hàng. Tuy nhiên, hết thời hạn yêu cầu, ông C không cung cấp được. Do đó, số tiền nợ ông C đang yêu cầu

không có căn cứ để xem xét trong vụ án. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu và căn cứ chứng minh.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cho chị T được ly hôn ông Mai Văn C.

2. Về nợ: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu và căn cứ chứng minh.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0010969 ngày 20/01/2021 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huệ

